
TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA

MÔN: LUẬT DÂN SỰ 2

A. CÁC NỘI DUNG TRỌNG TÂM

Chương 1: GIAO DỊCH DÂN SỰ

- Khái niệm giao dịch dân sự;
- Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự;
- Giao dịch dân sự vô hiệu.

Chương 2: NGHĨA VỤ DÂN SỰ VÀ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ DÂN SỰ

- Khái niệm và căn cứ phát sinh nghĩa vụ dân sự;
- Các sự kiện pháp lý phát sinh trong quá trình thực hiện nghĩa vụ dân sự;
- Trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ dân sự;
- Chuyển giao quyền yêu cầu - Chuyển giao nghĩa vụ dân sự;
- Chấm dứt nghĩa vụ dân sự;
- Các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ dân sự.

Chương 3: HỢP ĐỒNG DÂN SỰ

- Giao kết hợp đồng;
- Thực hiện hợp đồng;
- Sửa đổi, chấm dứt hợp đồng;
- Một số hợp đồng dân sự thông dụng.

Chương 4: BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG

- Quy định chung
- Một số trường hợp bồi thường thiệt hại cụ thể

B. CÁCH THỨC ÔN TẬP

(Chủ yếu là nghiên cứu, nắm rõ nội dung chính các điều luật có liên quan trong Bộ luật dân sự 2005)

Chương 1: GIAO DỊCH DÂN SỰ

- Khái niệm giao dịch dân sự
- Phải hiểu giao dịch dân sự bao hàm hai loại sự kiện: Hợp đồng và Hành vi; hai sự kiện này làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự.
- Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự: một giao dịch dân sự muốn hợp pháp thì phải hội đủ những điều kiện sau: - Chủ thể phải hợp pháp, - Mục đích, nội dung phải hợp pháp, - Bảo đảm tính tự nguyện của các bên tham gia, Hình thức của giao dịch phải hợp pháp (Điều 122, 123, 124)
- Giao dịch dân sự vô hiệu: Cần hiểu những giao dịch nào không đảm bảo những điều kiện nêu ở trên thì đó là giao dịch vô hiệu (bất hợp pháp).
- Học viên cần nắm rõ những trường hợp được xem là giao dịch dân sự vô hiệu được quy định trong Bộ luật Dân sự, từ Điều 128 đến Điều 134.
- Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu:
- Học viên phải nắm rõ thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu (Điều 136) và các hậu quả pháp lý sau khi một giao dịch dân sự bị Tòa tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu, quy định tại Điều 137 Bộ luật Dân sự. Nếu giao dịch vô hiệu đó có liên quan đến quyền lợi của người thứ ba ngay tình thì sẽ xử lý, giải quyết như thế nào? (Nghiên cứu Điều 138).

Chương 2: NGHĨA VỤ DÂN SỰ VÀ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ DÂN SỰ

- Khái niệm và căn cứ phát sinh nghĩa vụ dân sự
- Học viên phải hiểu nghĩa vụ dân sự là những việc, những xử sự mà pháp luật buộc chủ thể phải thực hiện để đáp ứng lợi ích của chủ thể khác (Điều 280);
- Đồng thời học viên phải phải biết những căn cứ nào làm phát sinh hoặc chấm dứt nghĩa vụ dân sự (Điều 281).

- Về nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ dân sự thì phải thực hiện đúng cam kết, trung thực, không trái pháp luật.
- Các sự kiện pháp lý phát sinh trong quá trình thực hiện nghĩa vụ dân sự
- Học viên cần hiểu trong quá trình thực hiện nghĩa vụ có thể có một số sự kiện xảy ra làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt nghĩa vụ dân sự (nghiên cứu Điều 283 đến Điều 295).
- Học viên cần hiểu được việc thực hiện nghĩa vụ dân sự riêng rẽ và liên đới là như thế nào? (Điều 297, 298).
- Trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ dân sự.
- Học viên cần hiểu khi chủ thể vi phạm nghĩa vụ dân sự (không thực hiện hoặc thực hiện không đúng) thì phải chịu những hậu quả pháp lý bất lợi (gọi là trách nhiệm dân sự), trừ trường hợp chủ thể đó không có lỗi. Cụ thể, học viên phải tìm hiểu những vấn đề sau:
 - Lỗi trong trách nhiệm dân sự là gì ? (Điều 308)
 - Những hậu quả bất lợi nào mà chủ thể vi phạm nghĩa vụ phải gánh chịu? (Điều 303 đến 307).
- Chuyển giao quyền yêu cầu - Chuyển giao nghĩa vụ dân sự
- Học viên cần hiểu như thế nào là chuyển giao quyền yêu cầu (Điều 309, 310), chuyển giao nghĩa vụ dân sự (315, 316).
- Một số trường hợp Chấm dứt nghĩa vụ dân sự: Học viên cần nghiên cứu Điều 374 đến 387.
- Các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ dân sự: là các biện pháp được các bên tham gia giao dịch thỏa thuận áp dụng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự (Điều 318), phạm vi và những vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự (Điều 319, 320) . Trong các biện pháp đó, có những biện pháp phổ biến sau mà học viên cần nắm rõ bản chất và nội dung pháp lý: Đặt cọc, Cầm cố, Thế chấp, Ký cược.

Chương 3: HỢP ĐỒNG DÂN SỰ

- Giao kết hợp đồng

- Học viên cần hiểu Hợp đồng là gì theo quy định của Luật Dân sự Việt Nam? Cần tìm hiểu cách thức giao kết hợp đồng dựa vào hai công cụ pháp lý: Đề nghị giao kết hợp đồng (Điều 390) và Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng (396).

- Học viên cần hiểu rõ thời điểm nào thì một hợp đồng dân sự được xem là đã giao kết (Điều 404); hình thức của hợp đồng dân sự là như thế nào (Điều 401); có các loại hợp đồng dân sự chủ yếu nào (Điều 406).

- Học viên cũng cần hiểu là những hợp đồng hình thành từ những giao dịch dân sự vô hiệu thì bị xem là Hợp đồng vô hiệu.

- Thực hiện, chấm dứt hợp đồng: Các bên phải thực hiện hợp đồng đúng nguyên tắc theo quy định tại Điều 412 Bộ luật Dân sự; đồng thời cần tìm hiểu quy định của Luật dân sự về sự kiện bất khả kháng (Điều 161 Bộ luật Dân sự).

- Học viên cần nghiên cứu các quy định về Chấm dứt hợp đồng, Hủy bỏ hợp đồng, Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng, Phạt vi phạm theo hợp đồng (tại Điều 422, 424 đến 427).

- Học viên cũng cần nắm được quy định của Bộ luật Dân sự về vấn đề thực hiện công việc không có ủy quyền (xem điều 394, 395)

- Một số hợp đồng dân sự thông dụng

- Học viên cần tìm hiểu các quy định chung về quyền, nghĩa vụ pháp lý cơ bản của các chủ thể khi tham gia vào những loại hợp đồng phổ biến như: Hợp đồng mua bán tài sản, Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng thuê tài sản, Hợp đồng dịch vụ, Hợp đồng vận chuyển, Hợp đồng ủy quyền (Quy định trong Chương XVIII, Mục 1, 4, 7, 8, 12 Bộ luật Dân sự)

Chương 4: BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG

Học viên cần tìm hiểu những vấn đề sau đây:

- Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại (Điều 604).
- Nguyên tắc bồi thường thiệt hại (605)
- Năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cá nhân (606)
- Thời hiệu khởi kiện (Điều 607)
- Các cơ sở để xác định thiệt hại đã xảy ra (Điều 608 đến 612)

- Một số trường hợp bồi thường thiệt hại cụ thể (căn cứ Điều 613 đến 630 Bộ luật Dân sự).

C. CÁCH THỨC THI, ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN

a. Hình thức thi và kết cấu đề

Đề thi được phát hành dưới hình thức tự luận với thời lượng làm bài thi là 90 phút không kể thời gian chép đề; kết cấu bởi ba phần:

- **Phần 1:** Yêu cầu học viên nhận định một **“quan điểm”** là đúng hay sai? Giải thích. Nêu cơ sở pháp lý. Phần này sẽ có 4 câu hỏi dành cho học viên, mỗi câu hỏi 1 điểm (tổng điểm của Phần 1 này là 4 điểm)

Bốn câu hỏi của Phần 1 sẽ được phân phối đều cho 4 Chương trong kiến thức môn học Luật Dân sự 2; mỗi câu hỏi sẽ nằm trong phạm vi kiến thức của một Chương.

- **Phần 2:** Phần này có 1 hoặc 2 câu hỏi, yêu cầu học viên nêu kiến thức pháp lý, bao hàm nội dung các quy phạm pháp luật chủ yếu trong Bộ luật Dân sự trong phạm vi kiến thức môn Luật dân sự 2, được vận dụng phổ biến trong thực tiễn pháp lý (tổng điểm của Phần 2 này là 3 điểm).

- **Phần 3:** là phần tình huống được giả định (hoặc từ một sự kiện thực tế) liên quan trực tiếp đến nội dung ôn tập của học viên. Câu hỏi dành cho học viên trong tình huống này từ 2 đến 3 câu (tổng điểm của Phần 3 này là 3 điểm).

b. Hướng dẫn làm bài thi

Học viên cần thiết xem hướng dẫn cách thức làm bài thi như dưới đây:

- **Phần 1:** Học viên nên đọc qua một lượt 4 câu hỏi, để có lựa chọn câu nào là dễ nhất đối với mình cần phải tiến hành làm trước. Trong quá trình trả lời 4 câu hỏi, học viên lưu ý:

+ Đọc kỹ các mệnh đề, từ ngữ để hiểu được nội dung của **“quan điểm”** được nêu trong câu hỏi.

+ Cần liên tưởng ngay là kiến thức dùng để trả lời câu hỏi đang nằm ở trong Chương kiến thức nào của môn học và tra cứu ngay các quy phạm liên quan trong Bộ luật dân sự.

+ Học viên cần trả lời Đúng hoặc Sai; sau đó giải thích ngắn gọn lý do tại sao và nêu các điều luật là cơ sở pháp lý cho sự trả lời câu hỏi của mình.

+ Phần giải thích nên viết ngắn gọn theo ý mình, không được chép y nguyên từ điều luật (vì chép y nguyên sẽ không được hưởng điểm).

+ Học viên không chép bài của người khác, cũng như không để người khác chép bài (nếu phát hiện có chép bài sẽ không được tính điểm).

- **Phần 2:** Học viên trình bày phân lý thuyết, tức là trình bày những nội dung kiến thức liên quan có trong các quy phạm pháp luật trong Bộ luật dân sự phản ánh vấn đề pháp lý mà câu hỏi đưa ra. Nếu có ví dụ minh họa cho kiến thức thì rất tốt (nếu cho ví dụ phù hợp thì có thể được xem là hiểu lý thuyết).

- **Phần 3:** Đây là phần tình huống, yêu cầu học viên nhận định sự kiện pháp lý, vận dụng kiến thức pháp lý đã học để giải quyết các vấn đề theo yêu cầu của đề thi. Trong Phần 3 này, học viên cần phải đọc kỹ các tình tiết trong tình huống để tránh nhầm lẫn trong việc áp dụng kiến thức pháp lý và cần viện dẫn Điều luật đã vận dụng trong tình huống.

D. Đề thi mẫu và đáp án đề thi mẫu:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP. HCM
KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT

ĐỀ THI MÔN LUẬT DÂN SỰ 2

Thời gian làm bài: 90 phút. Sinh viên được phép tham khảo tài liệu giấy khi làm bài thi

Nội dung đề thi

Câu 1 (4 điểm): *Những quan điểm sau đây đúng hay sai? Hãy giải thích ngắn gọn. Nêu cơ sở pháp lý.*

- a. Giao dịch giữa các bên trên cơ sở sự tự nguyện là một giao dịch hợp pháp.
- b. Một cá nhân có hành vi đúng luật nhưng gây thiệt hại, thì đó chính là một căn cứ làm phát sinh nghĩa vụ dân sự
- c. Tài sản dùng để ký cược là tài sản được dùng để bảo đảm cho bên mượn, bên thuê tài sản trả lại tài sản sau một thời gian nhất định.
- d. Nếu có hành vi vô tình xâm phạm, làm tổn thương nhân phẩm của người khác thì chỉ phải xin lỗi, nộp tiền phạt theo quy định của pháp luật.

Câu 2 (3 điểm): *Hãy trình bày về trách nhiệm pháp lý của bên bán khi giao tài sản không đúng số lượng và chất lượng theo thỏa thuận.*

Câu 3 (3 điểm):

Ông B thuê ông A vận chuyển tài sản, theo đó A sẽ vận chuyển cho B một lượng hàng thực phẩm chứa trong 01 tàu chở hàng từ cảng X đến cảng Y trước ngày 24/12/2013. Các bên thống nhất thỏa thuận là: “A có nghĩa vụ bảo quản hàng trên đường vận chuyển, nếu xảy ra hư hỏng thì A phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại”. Tuy nhiên, trên đường A chở hàng thì gặp cơn bão lớn. Dù gắng chống chọi bằng mọi cách với cơn bão nhưng sau đó gần 70% số hàng trên tàu bị hư hỏng. Ông B đã yêu cầu ông A bồi thường toàn bộ số hàng bị hư hỏng. Ông A không đồng ý bồi thường vì cho rằng mình không có lỗi gây ra số hàng hóa hư hỏng đó. Giữa A và B có tranh chấp.

HỎI: 1. Giả sử thỏa thuận thuê chở hàng giữa B và A được xác lập bằng lời nói thì thỏa thuận này có được pháp luật công nhận không? Giải thích.

2. Với nhận thức pháp lý của mình, anh chị có hướng giải quyết tranh chấp nói trên như thế nào?

----- Hết -----

Đáp án mẫu:

Câu 1 (4 điểm): *Những nhận định sau đây đúng hay sai? Hãy giải thích ngắn gọn, Nêu cơ sở pháp lý:*

- Sai: Điều 122 Bộ luật Dân sự 2005 và giải thích điều luật (1 điểm)
- Sai: Điều 281 Bộ luật Dân sự 2005 và giải thích điều luật (1 điểm)
- Sai: Điều 359 Bộ luật Dân sự 2005 và giải thích điều luật (1 điểm)
- Sai: Điều 307, 308 Bộ luật Dân sự 2005 và giải thích điều luật (1 điểm)

Câu 2 (3 điểm):

Trình bày, thể hiện được nội dung của Điều 435 (1,5 điểm)

Trình bày, thể hiện được nội dung của Điều 436 hoặc của Điều 437 (1,5 điểm)

Câu 3 (3 điểm)

1. Thỏa thuận giữa A sẽ được pháp luật công nhận trong trường hợp nội dung thỏa thuận đó là hợp pháp (0,5 điểm); dựa trên cơ sở Điều 122 (0,5 điểm) và Điều 536 Bộ luật Dân sự (0,5 điểm).

2. Trình bày được như thế nào là sự kiện bất khả kháng (1 điểm) theo Điều 161; nêu được việc A không phải bồi thường nếu A đã áp dụng được tất cả các biện pháp cần thiết nhưng vẫn không ngăn được thiệt hại xảy ra (0,5 điểm).
